

Trường Họ và tên:..... Lớp:1.....	KIỂM TRA CUỐI NĂM Năm học 201.... – 201..... Môn: Toán - Lớp 1 Thời gian :40 phút
--	--

ĐIỂM	Lời phê giáo viên

Bài 1: Khoanh vào chữ cái đặt trước ý trả lời đúng trong các câu sau:(2đ)

1. Số liền trước của 55 là:

- a. 50 b. 56 c. 54 d. 60

2. Số “ bảy mươi lăm” được viết là:

- a. 70 b. 57 c. 75 d. 705

3. Số tròn chục nhỏ hơn 50 là:

- a. 60 b. 55 c. 45 d. 40

4. Các số **63 ; 35 ; 60 ; 12** được xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- a. 63; 60; 35; 12 b. 12; 35; 63; 60
 c. 35; 60; 63; 12 d. 12; 35; 60; 63

Bài 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:(2đ)

..... – 30 = 20 24 + 14 = 48 -

32 + > 35 48 - = 42

Bài 3. Đặt tính rồi tính:(2đ)

25 + 30 ; 6 + 43 ; 56 - 53 ; 10 - 7

.....

.....

.....

Bài 4. Đúng ghi Đ, sai ghi S:(2đ)

a. $42 + 10 > 50$

b. Một tuần lễ là 6 ngày.

c. $80 < 90 - 10$

d. Số lớn nhất có hai chữ số là 99.

Bài 5.(1,5đ) Mẹ cho hai anh em tất cả 28 quyển tập, em được 12 quyển tập. Hỏi anh được mấy quyển tập?

Bài giải

.....
.....
.....

Bài 6. Số nào khi đem cộng với 29 thì bằng số lớn nhất có hai chữ số? **(0,5đ)**

Trả lời:

Trường Họ và tên:..... Lớp:1.....	KIỂM TRA CUỐI NĂM Năm học 201.... – 201..... Môn: Tiếng Việt - Lớp 1
--	---

ĐIỂM	Lời phê giáo viên

Moân : Tieáng Vieät (Vieát) - Lôùp 1
Thời gian : 25 phút

(Giáo viên viết bảng, cho học sinh tập chép vào giấy kẻ ô li, sau đó làm bài tập điền chữ).

1. Tập chép : (15 phút) **(8 điểm)**

Cuộc Con học bài

Cuộc Con về nghỉ hè
Trong đầm sen bát ngát
Hoa đưa hương ngào ngạt
Cuộc vẫn nhớ lời cô
Mang sách ra ngồi học.

2. Bài tập: (10 phút) **(2 điểm)**

Điền vào chỗ trống: **g** hay **gh**?

- Bó ...é qua nhà ...a đón chú Tư.
- Chiếc ...é được làm bằng ...ỗ.

PHẦN I: (3 điểm)

Em đọc thầm bài Tập đọc “Bác đưa thư ” trong khung dưới đây:

Bác đưa thư

Bác đưa thư trao cho Minh một bức thư. Đúng là thư của bố rồi. Minh mừng quýnh. Minh muốn chạy thật nhanh vào nhà khoe với mẹ. Nhưng em chợt thấy bác đưa thư mồ hôi nhễ nhại.

Minh chạy vội vào nhà. Em rót một cốc nước mát lạnh. Hai tay bưng ra, em lễ phép mời bác uống.

Em hãy đánh dấu X vào ô trống trước câu trả lời đúng:

1. Nhận được thư của bố, Minh muốn làm gì ?

- Bóc ra xem ngay.
- Cất vào túi.
- Chạy thật nhanh vào nhà khoe với mẹ.

2. Khi thấy bác đưa thư mồ hôi nhễ nhại, Minh đã làm gì ?

- Lấy khăn cho bác lau mồ hôi.
- Rót một cốc nước mát lạnh mời bác uống.
- Quạt cho bác ráo mồ hôi.

HẾT

HƯỚNG DẪN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 1

Cuối Học kì 2 - Năm học 201..... – 201.....

A. BÀI KIỂM TRA ĐỌC :(10 điểm)

I. Đọc – Hiểu : (3 điểm)

II. Đọc thành tiếng : (7 điểm)

(Ghi rõ tên bài, đoạn đọc và số trang vào phiếu cho hs bốc thăm rồi đọc thành tiếng): **(6 điểm)**, rồi trả lời câu hỏi (**1 điểm**).

1. Bài: “Mưu chú Sẻ” (trang 70, sách Tiếng Việt 1, tập 2)
 - Đoạn 3: Sẻ làm gì khi Mèo đặt nó xuống đất? (Sẻ vụt bay đi).
2. Bài “Đầm sen” (trang 91, sách Tiếng Việt 1, tập 2)
 - Đoạn 2: Khi nở, hoa sen trông đẹp như thế nào? (Cánh hoa đỏ nhạt xòe ra, phô đài sen và nhị vàng).
3. Bài: “Người bạn tốt” (trang 106, sách Tiếng Việt 1, tập 2)
 - Đoạn 1: Hà hỏi mượn bút, ai đã giúp Hà? (Hà hỏi mượn bút, Cúc từ chối, Nụ cho Hà mượn).
4. Bài “Hồ Gươm” (trang 118, sách Tiếng Việt 1, tập 2)
 - Đoạn 1: Từ trên cao nhìn xuống, mặt hồ trông đẹp như thế nào? (Từ trên cao nhìn xuống, mặt hồ như chiếc gương bầu dục khổng lồ, sáng long lanh).
5. Bài “Cây bàng” (trang 127, sách Tiếng Việt 1, tập 2)
 - Đoạn 2: Vào mùa xuân, cây bàng thay đổi như thế nào? (Vào mùa xuân, cành trên cành dưới chỉ chít những lộc non mơn mớn.).

Giáo viên đánh giá, cho điểm dựa vào các yêu cầu sau:

a. Đọc thành tiếng đoạn văn (6 điểm):

- 6 điểm: Đọc lưu loát, trôi chảy, không mắc lỗi, tốc độ đọc khoảng 30 tiếng/ phút.
- 5 điểm: Đọc lưu loát, trôi chảy, mắc 1-4 lỗi.
- 4 điểm: Đọc tương đối lưu loát, mắc 5-8 lỗi.
- 3 điểm: Đọc với tốc độ tạm được, mắc 9-12 lỗi.
- 2 điểm: Đọc chậm, mắc 13-16 lỗi.
- 1 điểm: Đọc rất chậm, Phải đánh vần, mắc 17-20 lỗi.

b. Học sinh trả lời đúng theo yêu cầu câu hỏi do GV nêu: đạt 1 điểm; trả lời thiếu, giáo viên cho điểm thích hợp (dưới 1 điểm).

HƯỚNG DẪN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 1

Cuối Học kì 2 - Năm học 201.... – 201.....

A. BÀI KIỂM TRA ĐỌC :(10 điểm)

I. Đọc – Hiểu : (3 điểm)

Mỗi ý trả lời đúng đạt 1,5 điểm.

Câu 1: Học sinh đánh dấu x vào ô trống trước ý: Chạy thật nhanh vào nhà khoe với mẹ.

Câu 2: Học sinh đánh dấu x vào ô trống trước ý: Rót một cốc nước mát lạnh mời bác uống.

II. Đọc thành tiếng : (7 điểm)

B. KIỂM TRA VIẾT:(10 điểm)

1. Chép đúng chính tả (8 điểm)

- Mỗi lỗi chính tả trong bài (sai mẫu chữ, sai chính tả mỗi chữ) trừ 0,5 điểm.
- Nếu viết chữ không rõ ràng, chữ viết sai về độ cao, khoảng cách , không đều nét hoặc trình bày bẩn... trừ toàn bài 2 điểm.

2. Bài tập: Điền vào chỗ trống: g hay gh? (2 điểm):

Điền đúng mỗi chữ được 0,5 điểm.

- Bồ ghé qua nhà ga đón chú Tư.
- Chiếc ghé được làm bằng gỗ.

HƯỚNG DẪN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 1

Cuối Học kì 2 - Năm học 201..... – 201.....

A. BÀI KIỂM TRA ĐỌC :(10 điểm)

I. Đọc – Hiểu : (3 điểm)

Mỗi ý trả lời đúng đạt 1,5 điểm.

Câu 1: Học sinh đánh dấu x vào ô trống trước ý: Chạy thật nhanh vào nhà khoe với mẹ.

Câu 2: Học sinh đánh dấu x vào ô trống trước ý: Rót một cốc nước mát lạnh mời bác uổng.

II. Đọc thành tiếng : (7 điểm)

B. KIỂM TRA VIẾT:(10 điểm)

1. Chép đúng chính tả (8 điểm)

- Mỗi lỗi chính tả trong bài (sai mẫu chữ, sai chính tả mỗi chữ) trừ 0,5 điểm.
- Nếu viết chữ không rõ ràng, chữ viết sai về độ cao, khoảng cách , không đều nét hoặc trình bày bẩn... trừ toàn bài 2 điểm.

2. Bài tập: Điền vào chỗ trống: g hay gh? (2 điểm):

Điền đúng mỗi chữ được 0,5 điểm.

- Bồ ghé qua nhà ga đón chú Tư.
- Chiếc ghé được làm bằng gỗ.

